

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ TĨNH

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi có 01 trang, gồm 04 câu)

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI TỈNH
LỚP 10, 11 THPT NĂM HỌC 2021 - 2022

MÔN THI: ĐỊA LÍ 11

Thời gian làm bài: 150 phút

Câu 1. (5,0 điểm)

a) Trình bày vấn đề ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương. Phân tích mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm đa dạng sinh vật.

b) Phân tích ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Mĩ La tinh. Tại sao rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm là cảnh quan chính của Mĩ La tinh?

Câu 2. (5,0 điểm)

a) Trình bày đặc điểm dân cư Liên bang Nga. Phân tích khó khăn của đặc điểm dân cư đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Liên bang Nga.

b) Phân biệt đặc điểm đô thị hóa của Hoa Kì và Trung Quốc. Giải thích tại sao các trung tâm công nghiệp lớn của Trung Quốc chủ yếu tập trung ở phía Đông.

Câu 3. (6,0 điểm)

a) Trình bày đặc điểm của ngành công nghiệp Hoa Kì. Tại sao cơ cấu lãnh thổ công nghiệp Hoa Kì có sự chuyển dịch?

b) Phân tích các điều kiện phát triển ngành giao thông vận tải đường biển của Nhật Bản. Giải thích tại sao ở Nhật Bản, lúa gạo là cây trồng chính nhưng diện tích trồng lúa ngày càng giảm.

Câu 4. (4,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN
CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2020**

Năm	Tổng sản lượng (nghìn tấn)	Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)	Giá trị xuất khẩu (triệu USD)
2010	5 143	2 728,11	5 017
2013	6 020	3 216	6 693
2014	6 333	3 413	7 825
2020	8 497	4 634	8 413

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng thủy sản và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2020.

b) Nhận xét tình hình phát triển ngành thủy sản của nước ta giai đoạn trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CHÍNH THỨC
MÔN: ĐỊA LÍ 11

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

- 1) Cán bộ chấm thi chấm đúng như hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm của Sở Giáo dục và Đào tạo.
- 2) Hướng dẫn chấm chủ yếu theo hướng "mở", chỉ nêu những ý chính, từ đó phát triển các ý cụ thể. Trong quá trình chấm cần quan tâm đến lí giải, lập luận của thí sinh. Nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.
- 3) Cán bộ chấm thi không quy tròn điểm của từng câu và của bài thi.

II. HƯỚNG DẪN CHẤM CHI TIẾT

CÂU	Y	NỘI DUNG	ĐIỂM
1			5,00
	a	<p>Trình bày vấn đề ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương. Phân tích mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm đa dạng sinh vật.</p> <p><i>Trình bày vấn đề ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện: Ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước ngọt; ô nhiễm biển... - Nguyên nhân: Chất thải công nghiệp, nông nghiệp, sinh hoạt; sự cố tràn dầu... - Hậu quả: Thiếu nguồn nước sạch; ảnh hưởng đến sức khỏe; ảnh hưởng đến sinh vật thủy sinh... - Giải pháp: Tăng cường xây dựng các nhà máy xử lí chất thải; đảm bảo an toàn hàng hải; nâng cao kĩ thuật xử lí sự cố tràn dầu... <p><i>Phân tích mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm đa dạng sinh vật</i></p> <p>* Biểu hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biến đổi khí hậu toàn cầu: Nhiệt độ Trái Đất tăng lên, mưa axit; gia tăng của các hiện tượng thiên tai... - Suy giảm đa dạng sinh vật: Nhiều loại sinh vật bị tuyệt chủng hoặc đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng... <p>* Mối quan hệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biến đổi khí hậu toàn cầu tác động tới suy giảm đa dạng sinh vật: + Sinh vật muốn tồn tại và phát triển cần hội tụ đầy đủ các yếu tố thích hợp: nhiệt độ, nước, ánh sáng, đất đai, thức ăn... + Sự biến đổi khí hậu toàn cầu làm các yếu tố trên bị biến đổi, ảnh hưởng đến sự tồn tại, phát triển của sinh vật và đa dạng sinh học: Không gian cư trú thu hẹp, môi trường sống ảnh hưởng, thức ăn cạn kiệt... + Nhiều loại động, thực vật buộc phải thích nghi như thay đổi sự phân bố, thời gian sống hoặc suy giảm, thậm chí nhiều loại tuyệt chủng do sự biến đổi khí hậu toàn cầu... <p>- Suy giảm đa dạng sinh vật tác động tới biến đổi khí hậu toàn cầu:</p> <p>Sự giảm sút đa dạng sinh học, đặc biệt sự giảm sút về diện tích, chất lượng rừng đã thúc đẩy gia tăng nhanh chóng biến đổi khí hậu toàn cầu...</p>	2,50
		<ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện: Ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước ngọt; ô nhiễm biển... 0,25 - Nguyên nhân: Chất thải công nghiệp, nông nghiệp, sinh hoạt; sự cố tràn dầu... 0,25 - Hậu quả: Thiếu nguồn nước sạch; ảnh hưởng đến sức khỏe; ảnh hưởng đến sinh vật thủy sinh... 0,25 - Giải pháp: Tăng cường xây dựng các nhà máy xử lí chất thải; đảm bảo an toàn hàng hải; nâng cao kĩ thuật xử lí sự cố tràn dầu... 0,25 	
		<p><i>Phân tích mối quan hệ giữa biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm đa dạng sinh vật</i></p> <p>* Biểu hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biến đổi khí hậu toàn cầu: Nhiệt độ Trái Đất tăng lên, mưa axit; gia tăng của các hiện tượng thiên tai... 0,25 - Suy giảm đa dạng sinh vật: Nhiều loại sinh vật bị tuyệt chủng hoặc đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng... 0,25 <p>* Mối quan hệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biến đổi khí hậu toàn cầu tác động tới suy giảm đa dạng sinh vật: + Sinh vật muốn tồn tại và phát triển cần hội tụ đầy đủ các yếu tố thích hợp: nhiệt độ, nước, ánh sáng, đất đai, thức ăn... 0,25 + Sự biến đổi khí hậu toàn cầu làm các yếu tố trên bị biến đổi, ảnh hưởng đến sự tồn tại, phát triển của sinh vật và đa dạng sinh học: Không gian cư trú thu hẹp, môi trường sống ảnh hưởng, thức ăn cạn kiệt... 0,25 + Nhiều loại động, thực vật buộc phải thích nghi như thay đổi sự phân bố, thời gian sống hoặc suy giảm, thậm chí nhiều loại tuyệt chủng do sự biến đổi khí hậu toàn cầu... 0,25 <p>- Suy giảm đa dạng sinh vật tác động tới biến đổi khí hậu toàn cầu:</p> <p>Sự giảm sút đa dạng sinh học, đặc biệt sự giảm sút về diện tích, chất lượng rừng đã thúc đẩy gia tăng nhanh chóng biến đổi khí hậu toàn cầu... 0,25</p>	
	b	<p>Phân tích ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Mi La tỉnh. Tại sao rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm là cảnh quan chính của Mi La tỉnh.</p> <p><i>Phân tích ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Mi La tỉnh</i></p> <p>* Thuận lợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí: 	2,50
		<p><i>Phân tích ảnh hưởng của đặc điểm tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Mi La tỉnh</i></p> <p>* Thuận lợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí: 	0,50

	<ul style="list-style-type: none"> + Nằm giữa 2 đại dương lớn, không bị ảnh hưởng của chiến tranh, có kênh đào Pa-na-ma nên thuận lợi trong việc giao lưu với các nước trên thế giới bằng đường biển. + Nằm trong khu vực giàu tài nguyên thiên nhiên, thuận lợi để phát triển kinh tế. - Tài nguyên thiên nhiên: + Địa hình đa dạng, nhiều đồng bằng, tài nguyên đất, khí hậu thuận lợi cho phát triển rừng, chăn nuôi đại gia súc, phát triển cây lương thực, cây công nghiệp và cây ăn quả nhiệt đới... + Hệ thống sông, hồ có giá trị lớn về thủy điện, giao thông, du lịch... + Tài nguyên biển đa dạng thuận lợi cho phát triển kinh tế biển... + Sinh vật đa dạng đặc biệt là các nơi rừng rậm nhiệt đới thuộc lưu vực sông Amadôn, nơi bảo tồn nhiều loại động thực vật quý hiếm... + Nhiều tài nguyên khoáng sản, chủ yếu là quặng kim loại màu, kim loại quý và nhiên liệu có giá trị kinh tế lớn thuận lợi cho việc phát triển ngành công nghiệp nói riêng và sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung. * Khó khăn: Nhiều thiên tai: Núi lửa, động đất, bão nhiệt đới, ngập lụt... 	0,25
	<p><i>Giải thích rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm là cảnh quan chính của Mĩ La tinh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện: Rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm chiếm diện tích lớn, phân bố chủ yếu ở xung quanh đường xích đạo, phía Đông Nam Mĩ La tinh... - Nguyên nhân: do khí hậu xích đạo và nhiệt đới, lượng mưa nhiều, dòng biển nóng... 	0,25
2		5,00
a	Trình bày đặc điểm dân cư Liên bang Nga. Phân tích khó khăn của dân cư đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Liên bang Nga.	2,00
	<p><i>Đặc điểm dân cư Liên bang Nga</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy mô dân số: đông, có xu hướng giảm (dẫn chứng). - Gia tăng dân số thấp: do gia tăng cơ học thấp và gia tăng tự nhiên thấp (dẫn chứng). - Cơ cấu dân số: Cơ cấu dân số theo tuổi: Cơ cấu già do gia tăng tự nhiên thấp và tuổi thọ trung bình cao... (dẫn chứng); Cơ cấu dân số theo dân tộc: Nhiều thành phần dân tộc, chủ yếu là dân tộc Nga... (dẫn chứng). - Phân bố dân cư: Mật độ dân số rất thấp, phân bố không đều: tập trung ở phía Tây, rải rác ở phía Đông (dẫn chứng). - Đô thị hóa: tỉ lệ dân cư thành thị cao, trình độ đô thị hóa cao (dẫn chứng). <p><i>Khó khăn của dân cư đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Liên bang Nga</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng dân số tự nhiên âm và xuất cư nhiều nên số dân ngày càng giảm dẫn tới nguy cơ thiếu lao động, ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế và nhiều vấn đề khác... - Cơ cấu dân số già gây ra nhiều khó khăn về mặt kinh tế - xã hội... (diễn giải) - Phân bố dân cư không đều gây khó khăn trong việc sử dụng lao động, khai thác tài nguyên mỗi vùng... 	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
b	Phân biệt đặc điểm đô thị hóa của Hoa Kì và Trung Quốc. Giải thích tại sao các trung tâm công nghiệp lớn của Trung Quốc chủ yếu tập trung ở phía Đông.	3,00
	<p><i>Phân biệt đặc điểm đô thị hóa của Hoa Kì và Trung Quốc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: + Hoa Kì có quá trình đô thị hóa sớm, gắn liền với quá trình công nghiệp hóa. + Trung Quốc có quá trình đô thị hóa diễn ra muộn hơn, gắn liền với bùng nổ dân số và công nghiệp hóa. - Đặc điểm: + Tỷ lệ dân thành thị: Hoa Kì có tỉ lệ dân thành thị cao hơn nhưng tốc độ tăng dân số thành thị có xu hướng giảm; Trung Quốc có tỉ lệ dân thành thị thấp hơn có xu hướng tăng dẫn tới tốc độ tăng dân số thành thị cao (dẫn chứng). 	0,50 0,50

	<ul style="list-style-type: none"> + Số lượng, quy mô đô thị: Hoa Kì có số lượng đô thị nhiều, quy mô đô thị lớn... (đến chừng); Trung Quốc có số lượng đô thị ít hơn, chỉ có một số đô thị lớn, chủ yếu là đô thị vừa và nhỏ... (dẫn chứng) + Lối sống đô thị: Hoa Kì phổ biến rộng rãi lối sống đô thị; Trung Quốc chưa phổ biến lối sống đô thị... + Xu hướng: Hoa Kì dân cư có xu hướng di chuyển về các thành phố vệ tinh...; Trung Quốc dân cư có xu hướng di chuyển về các thành phố trung tâm... 	0,50
	<ul style="list-style-type: none"> <i>Các trung tâm công nghiệp lớn của Trung Quốc chủ yếu tập trung ở phía Đông vì:</i> - Các trung tâm công nghiệp lớn của Trung Quốc chủ yếu tập trung ở phía Đông: Thượng Hải, Bắc Kinh, Vũ Hán, Hồng Kông... - Nguyên nhân: 	0,25
	<ul style="list-style-type: none"> + Có vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên thuận lợi: Địa hình bằng phẳng, nguồn nước dồi dào, khí hậu thuận lợi, giàu khoáng sản kim loại màu (diễn giải). 	0,25
	<ul style="list-style-type: none"> + Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào, có chuyên môn kỹ thuật cao (diễn giải). 	0,25
	<ul style="list-style-type: none"> + Yếu tố khác: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tốt; thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài... (diễn giải). 	0,25
3		6,00
a	Trình bày đặc điểm của ngành công nghiệp Hoa Kì. Tại sao cơ cấu lãnh thổ công nghiệp Hoa Kì có sự chuyển dịch?	3,00
	<p><i>Đặc điểm của ngành công nghiệp Hoa Kì:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò và quy mô: Quy mô đứng đầu thế giới, là ngành tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu. - Tỉ trọng trong cơ cấu GDP: 18,6% (năm 2018), có xu hướng giảm. - Tốc độ tăng trưởng nhanh. - Cơ cấu và thay đổi cơ cấu: 	0,25
	<ul style="list-style-type: none"> + Cơ cấu ngành đa dạng, gồm ba nhóm ngành, nhiều ngành đứng hàng đầu thế giới... Công nghiệp khai khoáng đứng đầu thế giới về khai thác phốt phat, môlipden; thứ hai về vàng, bạc, đồng, chì, than đá và thứ ba về dầu mỏ... + Công nghiệp chế biến chiếm 84,2% giá trị hàng xuất khẩu của cả nước và thu hút 40 triệu lao động (năm 2002)... 	0,25
	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghiệp điện lực gồm nhiệt điện, điện nguyên tử, thủy điện và các loại khác như: điện địa nhiệt, điện từ gió, điện mặt trời... 	0,25
	<ul style="list-style-type: none"> + Sự thay đổi cơ cấu: Giảm tỉ trọng của các ngành công nghiệp luyện kim, dệt, gia công đồ nhựa, tăng tỉ trọng của các ngành công nghiệp hàng không - vũ trụ, điện tử... 	0,25
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân bố và thay đổi phân bố + Trước đây sản xuất công nghiệp tập trung chủ yếu ở vùng Đông Bắc với các ngành công nghiệp truyền thống như luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, hóa chất, dệt... + Hiện nay, sản xuất công nghiệp mở rộng xuống vùng phía Nam và ven Thái Bình Dương với các ngành công nghiệp hiện đại như hóa dầu, công nghiệp hàng không - vũ trụ, cơ khí - điện tử, viễn thông... 	0,50
	<p><i>Nguyên nhân chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ công nghiệp Hoa Kì:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác động của khoa học kỹ thuật, đường lối chính sách... - Tác động của thay đổi cơ cấu ngành... - Phát huy hiệu quả thế mạnh... - Mang lại hiệu quả cao... 	0,25 0,25 0,25 0,25
b	Phân tích các điều kiện phát triển ngành giao thông vận tải đường biển của Nhật Bản. Giải thích tại sao ở Nhật Bản, lúa gạo là cây trồng chính nhưng diện tích trồng lúa ngày càng giảm.	3,00
	<i>Phân tích các điều kiện phát triển ngành giao thông vận tải đường biển của Nhật Bản</i>	

- Vị trí địa lý thuận lợi (diễn giải). - Địa hình: Có nhiều vũng, vịnh, đảo, quần đảo thuận lợi để xây dựng các hải cảng (diễn giải)	0,25 0,25
- Kinh tế phát triển, tạo ra khối lượng hàng hóa lớn nên nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa lớn (diễn giải)	0,25
- Ngành công nghiệp chế tạo phát triển trong đó có ngành đóng tàu biển nên phương tiện giao thông vận tải đường biển ở Nhật Bản rất hiện đại.	0,25
Giải thích tại sao ở Nhật Bản, lúa gạo là cây trồng chính nhưng diện tích trồng lúa ngày càng giảm	1,00
- Lúa gạo là cây trồng chính, vì: + Lúa gạo là cây lương thực truyền thống + Thị trường: Dân số đông, nhu cầu lớn... + Một số vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi, phát triển cây lúa gạo. + Nhân tố khác: Khoa học kĩ thuật và công nghệ phát triển... - Diện tích lúa giảm: + Do quá trình đô thị hóa nên đất nông nghiệp bị thu hẹp... + Do chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Nhật Bản phát triển các cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn trồng lúa... + Do thói quen ăn uống của người Nhật có nhiều thay đổi theo hướng đa dạng hơn... + Nguyên nhân khác: thiên tai, đất trồng bị suy thoái...	1,00

4 **4,00**

a *Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng thủy sản và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2020.* **1,50**

- Vẽ biểu đồ: Biểu đồ kết hợp cột chồng và đường.
- Yêu cầu: Chính xác, thẩm mỹ, có tên biểu đồ, chú giải, đơn vị... (thiếu mỗi yếu tố trừ 0,25 điểm)

b *Nhận xét tình hình phát triển ngành thủy sản của nước ta giai đoạn trên.* **2,50**

- Về quy mô:
+ Tổng sản lượng thủy sản có xu hướng tăng liên tục (dẫn chứng). 0,25
+ Sản lượng thủy sản nuôi trồng và sản lượng thủy sản khai thác có xu hướng tăng liên tục (dẫn chứng). 0,50
+ Giá trị xuất khẩu thủy sản có xu hướng tăng liên tục (dẫn chứng). 0,25
- Về tốc độ:
+ Giá trị xuất khẩu có tốc độ tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản (dẫn chứng). 0,25
+ Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng khai thác (dẫn chứng). 0,25
- Về cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu: 0,50

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2020
(Đơn vị: %)

Năm	2010	2013	2014	2020
Sản lượng khai thác	47,0	46,6	46,1	45,5
Sản lượng nuôi trồng	53,0	53,4	53,9	54,5

- + Sản lượng nuôi trồng thủy sản chiếm tỷ trọng lớn hơn sản lượng thủy sản khai thác (dẫn chứng). 0,25
- + Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác có xu hướng giảm, tỷ trọng thủy sản nuôi trồng có xu hướng tăng (dẫn chứng). 0,25

Tổng điểm **20,0**